Mẫu số 01-A

TCT CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170 /CV-CTX-TKTCT	----------
	Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý II năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. **Tên tổ chức: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam**
   - Mã chứng khoán: CTX
   - Địa chỉ: Tầng 2, nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội
   - Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
   - Email:..... Website: https://www.ctx.vn/

2. **Nội dung thông tin công bố:**
   - **BCTC quý II năm 2026**

     ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

     ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

     ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).
   - **Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:**
     + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán năm 2026):

       ☐ Có ☐ Không

       Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

       ☐ Có ☐ Không
     + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

       ☐ Có ☐ Không

       Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

       ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày: 29/07/2026 tại đường dẫn: https://www.ctx.vn/

Tài liệu đính kèm:

- *BCTC Riêng quý II năm 2026;*
- *BCTC Hợp nhất quý II năm 2026;*
- *Ủy quyền ký BCTC;*
- *Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.*

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền CBTT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Trần Anh Hải

Người ký: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Email: fcpaoshotel@gmail.com
Thời gian ký: 29.07.2026 13:27:35 +07:00

CTX HOLDINGS

Số: 171/CV-CTX-TKTCT
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
- Mã chứng khoán: CTX
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 6281.2000 - Fax: (024) 3782.0176 - Email: info@ctx.vn

2. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Trần Anh Hải

3. Nội dung thông tin công bố:

3.1 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ quý 2 năm 2026:

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ quý 2 năm 2026 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này:

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2026 đạt 2,35 tỷ đồng, tăng 2,098 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, tăng tương ứng 345 tỷ đồng và 6,18 tỷ đồng.

3.2 Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất quý 2 năm 2026:

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất quý 2 năm 2026 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước và chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này:

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2026 đạt 6,68 tỷ đồng, tăng 8,16 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu hoạt động tài chính kỳ báo cáo tăng 6,17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn: https://www.ctx.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu: VT, TKTCT.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TRẦN ANH HẢI

CTX HOLDINGS

Số: 23 /GUQ-CTX-VP

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ:

- Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015;
- Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Điều lệ Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam.

1. Bên ủy quyền:

- Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật : Ông **Lý Quốc Hùng**
- Số căn cước công dân : 001073011802 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2021
- Chức vụ : Tổng giám đốc
- Địa chỉ ĐKDN : Tầng 2 tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Bên được ủy quyền:

- Bà : **Hoàng Thị Hương Lan**
- Số căn cước công dân : 019179001310 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 3/4/2021
- Chức vụ : Phó Tổng giám đốc
- Địa chỉ : P14A2-CT2B-CC VP Quốc Hội – Đường Trịnh Văn Bô – P. Xuân Phương, Hà Nội.

3. Nội dung ủy quyền:

Ông Lý Quốc Hùng ủy quyền cho bà Hoàng Thị Hương Lan thay mặt cho Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ký Báo cáo tài chính văn phòng Công ty mẹ và hợp nhất năm, bán niên, quý của Tổng công ty CTX Holdings (báo cáo tự lập và báo cáo kiểm toán) theo quy định của pháp luật.

Các nội dung do bà Hoàng Thị Hương Lan được ủy quyền ký phải phù hợp với quy định của Tổng công ty và pháp luật Việt Nam.

Bà Hoàng Thị Hương Lan thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nội dung công việc trong phạm vi được ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này thay thế cho Giấy ủy quyền số 01/GUQ-CTX-VP ngày 21/01/2025, có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi các công việc theo nội dung ủy quyền được hoàn thành hoặc có văn bản khác của Tổng công ty thay thế ủy quyền này./.

BÊN ỦY QUYỀN	**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
M.S.D.N: 0100109444 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
TỔNG GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÝ QUỐC HÙNG	**HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính Công ty Mẹ quí II/2026

MỤC LỤC **Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 1 - 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán 3 - 5

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 6

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ 7 - 8

Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính quý 2/2026 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 20/07/2026 – số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109441 .

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 1.004.067.400.000 đồng (Một ngàn không trăm lẻ bốn tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại tầng 2 nhà HH2 - Đường Dương Đình Nghệ - Phường Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lý Quốc Hùng	Ủy viên	
Ông Trần Anh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Ông Phạm Sỹ Tiệp	Ủy viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Bà Hoàng Thị Hương Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Ông Nguyễn Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Ông Trần Khanh	Ủy viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 21/11/2025

Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Bùi Hồng Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Bà Phan Thị Tố Hoa	Ủy viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Ông Trần Anh Tú	Ủy viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 21/11/2025
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 21/11/2025

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lý Quốc Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 03/07/2026
Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 03/07/2026
Bà Ngô Thị Thu Lý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 11/08/2025
Bà Hoàng Thị Hương Lan	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 27/12/2024
Ông Đỗ Hải Bình	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 27/12/2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 32 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo quý 2/2026 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hiện nay là Ông Lý Quốc Hùng, Tổng giám đốc theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 14 tháng 07 năm 2026;

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hương Lan
Phó tổng giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 23/GUQ-CTX-VP ngày 22/07/2026)
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT:VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/03/2026 VND	01/01/2026 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150+160)**	**100**		**1.294.478.724.489**	**1.810.552.057.407**
I-	**Tiền và các khoản tương tương tiền**	**110**	1	**268.099.643.268**	**236.372.419.300**
1	Tiền	111		254.099.643.268	116.372.419.300
2	Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	120.000.000.000
II-	**Các khoản ĐTTC ngắn hạn**	**120**	2	**99.935.970.051**	**640.145.970.051**
1	Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.403.400.000)	(2.403.400.000)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		99.790.000.000	640.000.000.000
III-	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**721.735.135.569**	**625.451.755.499**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	536.528.392.972	192.601.841.745
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	240.376.582.398	196.671.462.000
5	Phải thu ngắn hạn khác	135	5	99.916.204.718	391.268.082.583
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(155.089.630.829)	(155.089.630.829)
7	Tài sản thiếu chờ xử lý	137		3.586.310	
IV-	**Hàng tồn kho**	**140**		**195.856.652.805**	**295.483.041.936**
1	Hàng tồn kho	141	6	195.856.652.805	295.483.041.936
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V-	**Tài sản sinh học ngắn hạn**	**150**		-	-
VI-	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**8.851.322.796**	**13.098.870.621**
1	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		461.907.264	174.824.703
2	Thuế GTGT được khấu trừ	162		6.958.928.771	11.497.060.402
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	163		1.430.486.761	1.426.985.516
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/03/2026 VND	01/01/2026 VND
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)**	**200**		**1.163.536.442.683**	**848.261.002.167**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**3.450.141**	**3.450.141**
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5	Phải thu dài hạn khác	215		3.450.141	3.450.141
6	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II	**Tài sản cố định**	**220**		**794.314.722**	**874.335.962**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	7	794.314.722	874.335.962
-	*Nguyên giá*	*222*		*7.814.560.485*	*7.814.560.485*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(7.020.245.763)*	*(6.940.224.523)*
III-	**Tài sản sinh học dài hạn**	**230**		**-**	**-**
IV-	**Bất động sản đầu tư**	**240**	8	**8.633.713.582**	**9.296.743.240**
1	Nguyên giá	241		34.003.079.625	34.003.079.625
2	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.369.366.043)	(24.706.336.385)
V-	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**129.552.048.033**	**87.407.201.380**
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251			-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	6	129.552.048.033	87.407.201.380
VI	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	2	**1.024.148.092.452**	**750.180.655.722**
1	Đầu tư vào công ty con	261		771.593.899.998	771.173.899.998
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		32.933.412.413	32.933.412.413
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		285.207.685.730	12.012.898.701
4	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(65.586.905.689)	(65.939.555.390)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
VI	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**404.823.753**	**498.615.722**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	404.823.753	498.615.722
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)		**280**		**2.458.015.167.172**	**2.658.813.059.574**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**1.204.653.616.982**	**1.410.802.246.308**
I-	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**585.848.865.166**	**1.107.985.533.917**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	198.190.311.662	178.887.448.313
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	29.391.721.413	29.615.559.056
3	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		2.155.149.757	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	13	1.562.854.089	75.090.441.706
5	Phải trả người lao động	315		1.611.169.300	1.391.607.297
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	233.648.819.247	243.531.253.069
9	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		6.220.701.646	-
10	Phải trả ngắn hạn khác	320	15	13.068.138.052	332.894.734.099
11	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	10	100.000.000.000	246.574.490.377
II-	**Nợ dài hạn**	**330**		**618.804.751.816**	**302.816.712.391**
4	Chi phí phải trả dài hạn	334	14	303.218.757.788	301.861.552.504
8	Phải trả dài hạn khác	338	17	315.585.994.028	955.159.887
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	17	**1.253.361.550.190**	**1.248.010.813.266**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.004.067.400.000	789.072.760.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*1.004.067.400.000*	*789.072.760.000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*			-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		249.294.150.190	458.938.053.266
-	*LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*243.943.413.266*	259.102.444.285
-	*LNST chưa PP kỳ này*	*420b*		*5.350.736.924*	199.835.608.981
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**2.458.015.167.172**	**2.658.813.059.574**

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương Lan
Phó tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quí II/2026

ĐVT: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quí II/2026	Quí II/2025	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quí này	
					Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**351.528.439.774**	**6.496.403.476**	**353.880.155.277**	**12.100.318.053**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	**10**	351.528.439.774	6.496.403.476	353.880.155.277	12.100.318.053
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	349.496.584.614	4.762.387.011	349.945.735.443	7.779.278.729
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**	**2.031.855.160**	**1.734.016.465**	**3.934.419.834**	**4.321.039.324**
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21				
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.194.836.597	15.601.623	15.710.271.524	39.385.069
8.	Chi phí tài chính	23	(12.164.766)	(1.937.259.381)	1.519.633.896	(5.752.811.191)
	Trong đó: Chi phí lãi vay	24			*1.872.283.597*	-
9.	Chi phí bán hàng	25	-	-	-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.769.332.308	3.911.871.176	11.279.783.144	6.730.461.743
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = (20+21-22)-(23+25+26)}**	**30**	**2.469.524.215**	**(224.993.707)**	**6.845.274.318**	**3.382.773.841**
12.	Thu nhập khác	31	673.883.054	236.000.000	865.737.446	236.000.000
13.	Chi phí khác	32	788.006.146	304.063.235	980.075.979	334.084.715
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**(114.123.092)**	**(68.063.235)**	**(114.338.533)**	**(98.084.715)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**	**2.355.401.123**	**(293.056.942)**	**6.730.935.785**	**3.284.689.126**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	505.048.440	(44.998.741)	1.380.198.861	676.554.769
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**	**1.850.352.683**	**(248.058.201)**	**5.350.736.924**	**2.608.134.357**

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100109441 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Thị Hương Lan
Phó tổng giám đốc

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quí II/2026

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	**Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế**	**6.730.935.785**	**3.284.689.126**
	Điều chỉnh cho các khoản:		
2	Khấu hao TSCĐ	743.050.898	743.925.342
3	Các khoản dự phòng	(352.649.701)	(5.752.811.191)
5	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(15.710.271.524)	(39.385.069)
6	Chi phí lãi vay	1.872.283.597	-
8	**Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**(6.716.650.945)**	**(1.763.581.792)**
9	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(89.098.762.642)	28.573.602.210
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	99.626.389.131	(89.740.981.150)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11.883.128.146	4.972.221.578.008
12	(Tăng) giảm chi phí chờ phân bổ	(193.290.592)	(41.409.470)
14	Chi phí đi vay đã trả	(1.872.283.597)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(75.019.170.823)	(201.320.144)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**(61.390.641.322)**	**4.909.047.887.662**
	II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư		
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(42.144.846.653)	(4.968.803.334.964)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(14.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	554.210.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(273.614.787.029)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.551.867.688	39.385.069
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**239.002.234.006**	**(4.968.763.949.895)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quí II/2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	-	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-
33	Tiền thu từ đi vay	228.832.507.979	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	(374.716.876.695)	-
35	Tiền trả nợ thuê tài chính	-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**	**(145.884.368.716)**	**-**
50	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ**	**31.727.223.968**	**(59.716.062.233)**
60	**Tiền [và tương đương tiền] đầu kỳ**	**236.372.419.300**	**67.771.919.555**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**	-	-
70	**Tiền [và tương đương tiền] cuối kỳ**	**268.099.643.268**	**8.055.857.322**

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương Lan
Phó tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Thông tin Tổng công ty:

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng Công ty") là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100109441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 20 tháng 07 năm 2026.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản, và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài từ 12 đến 36 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh	*Địa chỉ*
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

STT	*Tên công ty*	*Trụ sở chính theo đăng ký doanh nghiệp*	*Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty*		*Hoạt động chính*
			Ngày 30 tháng 06 năm 2026 (%)	*Ngày 01 tháng 04 năm 2026 (%)*	
1	Công ty TNHH CTX Số 1	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH CTX Số 2	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
3	Công ty TNHH Apas Hospitality (trước là Công ty TNHH CTX Số 3)	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Tầng 1, tòa nhà PentStudio Lô đất B Khu đấu giá D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	94	94	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	90	90	Phát triển dự án bất động sản
8	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	A11 đường Ngô Thì Nhậm, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.	98	98	Phát triển dự án thủy điện
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina ("Công ty Indochina")	K60, Khu Thương mại Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	99,95	99,95	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại
10	Công ty Cổ phần ICP	Khách sạn Pao 's Sa Pa, Tổ 1, phường Cầu Mây, Thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai	99,95	99,95	Kinh doanh vận hành khách sạn

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Cơ sở tổng hợp báo cáo

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam, CN Constrexim Hải dương, Công ty XL số 5.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp đã ban hành theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty Mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu), chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ nhất quán theo tiêu thức phù hợp.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	80.457.004	80.457.004
Tiền gửi ngân hàng	254.019.186.264	116.291.962.296
Các khoản tương đương tiền	14.000.000.000	120.000.000.000
Tổng cộng	**268.099.643.268**	**236.372.419.300**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chứng khoán kinh doanh	2.549.370.051	2.549.370.051
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	99.790.000.000	640.000.000.000
Đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác:	1.089.734.998.141	816.120.211.112
Đầu tư vào công ty con	*771.593.899.998*	*771.173.899.998*
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết	*32.933.412.413*	*32.933.412.413*
Đầu tư vào đơn vị khác	*285.207.685.730*	*12.012.898.701*
Tổng cộng	**1.192.074.368.192**	**1.458.669.581.163**

Chứng khoán kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán kinh doanh	30/06/2026			01/01/2026		
Tên chứng khoán	**Số lượng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Số lượng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Công ty cổ phần Constrexim Viet CZ	5.600	862.400.000	(862.400.000)	5.600	862.400.000	(862.400.000)
Các cổ phiếu khác	27.079	1.686.970.051	(1.541.000.000)	27.079	1.686.970.051	(1.541.000.000)
Tổng cộng	**32.679**	**2.549.370.051**	**(2.403.400.000)**	**32.679**	**2.549.370.051**	**(2.403.400.000)**

Đầu tư vào công ty con:

Đơn vị tính: VND

Tên các Công ty con	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần CTX số 1	20.580.000.000	11.729.456.944	20.580.000.000	11.728.535.377
Công ty TNHH MTVAPAS Hospitality	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Constrexim	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
Công ty TNHH Đầu tư C,T,L	225.283.000.000	-	225.283.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	121.392.900.000	-	121.392.900.000	-
Công ty Cổ phầnn Ocean View Nha Trang	53.775.000.000	-	53.775.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	102.142.999.998	300.870.583	102.142.999.998	300.870.583
Cồng ty Cổ phần Đầu tư Indochina	174.675.000.000	895.569.494	174.675.000.000	1.236.975.996
Cồng ty Cổ phần ICP	58.225.000.000	-	58.225.000.000	-
Công ty TNHH CTX Số 2	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Tổng cộng	**771.173.899.998**	**22.025.897.021**	**771.173.899.998**	**22.366.381.956**

Đầu tư vào công ty liên kết:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cấu kiện Constrexim	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Tân Long	18.433.412.413	18.433.412.413	18.433.412.413	18.433.412.413
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	**32.933.412.413**	**32.933.412.413**	**32.933.412.413**	**32.933.412.413**

Đầu tư vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: VND

Đầu tư sở hữu vốn các đơn vị khác:

Tên đơn vị	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	2.765.700.000	2.765.700.000	2.765.700.000	2.765.700.000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	320.000.000	320.000.000	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	979.383.081	3.081	979.383.081	39.178.281
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	690.000.000	690.000.000	690.000.000	690.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Phục Hưng	660.000.000	252.533.760	660.000.000	227.067.120
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	625.000.000	625.000.000	625.000.000	625.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim TM	549.950.000	549.950.000	549.950.000	549.950.000
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	272.865.620	272.865.620	272.865.620	272.865.620
Tổng cộng	**12.012.898.701**	**10.626.052.461**	**12.012.898.701**	**10.639.761.021**

Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Đầu tư vào các đơn vị khác thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tên các Công ty con	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	1.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần ICP	240.949.825.745	-	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần địa ốc Sum Lâm	11.344.961.284	-	-	-
Công ty cổ phần Thăng Long Fundings	16.700.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	3.000.000.000	-	-	-
Tổng cộng	**273.194.787.029**	-	-	-

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	96.537.179.528	96.537.187.370
- Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	388.038.798.126	44.045.030.899
- Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	51.952.415.318	52.019.623.476
Tổng cộng	**536.528.392.972**	**192.601.841.745**

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

Trong đó phải thu các bên liên quan	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty CP Constrexim Đông Đô	26.876.159	26.876.159
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	7.219.076.093	7.219.076.093
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	382.454.399.221	5.540.563.853
Công ty TNHH CTX Số 1	1.168.642.843	1.153.522.843
Công ty cổ phần Đúc Tân long - Constrexim	892.649.712	892.649.712
Cty TNHH MTV APAS Hospitality	3.383.184.403	3.383.184.403
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	1.210.363.127	1.210.363.127
Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại Constrexim-TIC	634.252.743	601.852.743
Công ty TNHH CTX số 2	46.860.000	31.740.000
Công ty cổ phần ICP	91.800.000	32.971.668.141
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L-CN Pentstudio	103.337.631	103.337.631
Tổng cộng	**397.231.441.932**	**53.134.834.705**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Công ty CP đầu tư PT Constrexim số 16	15.129.767.017	15.129.767.017
- Công ty TNHH CTX Số 1	39.806.280.521	39.806.280.521
- Công ty TNHH NKB Archi Vietnam	6.434.900.000	6.434.900.000
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	179.005.634.860	135.300.514.462
Tổng cộng	**240.376.582.398**	**196.671.462.000**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Đông Đô	4.693.097.282	4.693.097.282
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	557.758.267	557.758.267
Công ty TNHH CTX Số 1	39.806.280.521	39.806.280.143
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	21.148.652	21.148.652
Công ty cổ phần Đúc Tân long - Constrexim	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	5.184.129.711	5.184.129.711
Tổng cộng	**59.066.734.712**	**59.066.734.334**

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tạm ứng, ký quỹ để thực hiện các HĐXL và dự án bất động sản	70.335.703.352	71.115.889.821
Phải thu công ty con	9.647.668.986	296.424.427.874
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	16.664.435.667	15.573.518.313
Phải thu phần trả hộ vốn góp	1.000.000.000	1.000.000.000
Lãi tiền gửi	2.268.396.713	7.154.246.575
Tổng cộng	**99.916.204.718**	**391.268.082.583**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu khác các bên liên quan		
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	-	4.500.000.000
Công ty TNHH CTX Số 1	9.594.023.486	9.594.023.486
Công ty TNHH CTX số 2	8.285.500	8.285.500
Công ty Cổ phần ICP	-	271.487.157.604
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	15.120.000	10.634.961.284
Công ty cổ phần Oceanview Nha Trang	15.120.000	
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim (TIC)	-	200.000.000
Tổng cộng	**9.647.668.986**	**296.424.427.874**

5.6 Hàng tồn kho và tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	129.123.409.865	86.979.303.953
Dự án Nam Hồng	428.638.168	427.897.427
Cộng	**129.552.048.033**	**87.407.201.380**
Hàng tồn kho		
- Chi phí SXKD dở dang của Hoạt động xây lắp:	**195.856.652.805**	**295.483.041.936**
Chi phí SXKD dở dang của các hợp đồng XD khác	195.808.134.286	295.434.523.417
Tổng cộng	**325.408.700.838**	**382.890.243.316**

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá					
Số dư 01/04/2026	**3.624.417.692**	**3.003.318.129**	**457.573.068**	**729.251.596**	**7.814.560.485**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2026	**3.624.417.692**	**3.003.318.129**	**457.573.068**	**729.251.596**	**7.814.560.485**
Hao mòn lũy kế					
Số dư 01/04/2026	**2.792.278.464**	**3.003.318.129**	**455.824.176**	**729.251.596**	**6.980.672.365**
Tăng trong kỳ	**37.824.506**	-	**1.748.892**	-	**39.573.398**
Khấu hao	37.824.506		1.748.892		39.573.398
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/06/2026	**2.830.102.970**	**3.003.318.129**	**457.573.068**	**729.251.596**	**7.020.245.763**
Giá trị còn lại					
Tại 01/04/2026	**832.139.228**	-	**1.748.892**	-	**833.888.120**
Tại 30/06/2026	**794.314.722**	-	-	-	**794.314.722**

5.8 Bất động sản đầu tư

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/04/2026	32.677.383.198	1.325.696.427	**34.003.079.625**
Tăng trong kỳ			-
Giảm trong kỳ			-
Tại ngày 30/06/2026	32.677.383.198	1.325.696.427	**34.003.079.625**
Giá trị hao mòn			
Tại ngày 01/04/2026	23.712.154.787	1.325.696.427	**25.037.851.214**
Khấu hao tăng trong kỳ	331.514.829		**331.514.829**
Khấu hao giảm trong kỳ			-
Tại ngày 30/06/2026	24.043.669.616	1.325.696.427	**25.369.366.043**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2026	**8.965.228.411**	**-**	**8.965.228.411**
Tại ngày 30/06/2026	**8.633.713.582**	**-**	**8.633.713.582**

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	461.907.264	174.824.703
Chi phí trả trước dài hạn	404.823.753	498.615.722
Tổng cộng	**866.731.017**	**673.440.425**

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
1-Vay ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn Ông Trần Minh Sơn	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vay ngắn hạn các Tổ chức tín dụng	-	146.574.490.377
Cộng 1	**100.000.000.000**	**246.574.490.377**

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Phải trả người bán liên quan hoạt động dự án đầu tư	17.817.366.523	15.971.847.678
- Công ty CP Đầu tư Việt San	*10.737.893.816*	*10.737.893.816*
- Phải trả các khách hàng dự án khác	*7.079.472.707*	*5.233.953.862*
- Phải trả thầu phụ các hợp đồng xây lắp có điều kiện (*)	128.389.760.629	128.389.267.909
- Phải trả liên quan đến các hợp đồng xây lắp khác	51.793.201.656	34.296.288.094
- Các nhà cung cấp khác	189.982.854	230.044.632
Tổng cộng	**198.190.311.662**	**178.887.448.313**

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện tổng công ty chỉ thanh toán cho nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư

Trong đó phải trả các bên liên quan:	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	4.261.111.301	4.261.111.301
Công ty CP Constrexim Đông Đô	10.058.328.128	10.058.328.128
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	661.274.774	661.274.774
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	818.336.343	818.336.344
Công ty TNHH MTV CTX số 1	242.445.589	242.445.589
Công ty CP đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC	19.970.000	19.970.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	1.840.140.177	1.840.140.177
Tổng cộng	**17.901.606.312**	**17.901.606.313**

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Trả trước cho các công trình xây lắp	**23.925.826.630**	**24.010.629.890**
Hệ thống cấp thoát nước trụ sở Bộ ngoại giao	1.339.112.346	1.339.112.346
Thư viện tỉnh Nghệ An	15.999.217.117	15.999.217.117
Công trình khác	6.587.497.167	6.672.300.427
- Trả trước cho các hoạt động khác	**5.465.894.783**	**5.604.929.166**
Tổng cộng	**29.391.721.413**	**29.615.559.056**

Trong đó bên liên quan trả tiền trước	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần thủy điện La Ngâu	1.852.270.329	1.852.270.329
Công ty CP XL và SX cấu kiện Constrexim	1.302.505.673	1.302.505.673
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	-	90.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA-CN KS tại Mường Hoa	399.997	399.997
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	660.965.617	800.000.000
Tổng cộng	**3.816.141.616**	**4.045.175.999**

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.296.434	5.296.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.380.198.861	75.019.170.823
Các loại thuế, phí phải trả khác	177.358.794	65.974.449
Tổng cộng	**1.562.854.089**	**75.090.441.706**

5.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí phải trả cho các hợp đồng thi công xây lắp	38.479.730.658	38.479.730.658
Chi phí phải trả cho các dự án	194.468.927.964	202.882.303.308
Chi phí phải trả khác	700.160.625	2.169.219.103
Tổng cộng	**233.648.819.247**	**243.531.253.069**

Chi phí phải trả dài hạn	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả dự án Yên Hòa	24.961.829.176	23.604.623.892
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
Dự phòng phải trả cho dự án Constrexim Complex (A1)	277.965.314.302	277.965.314.302
Tổng cộng	**303.218.757.788**	**301.861.552.504**

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Doanh thu cho thuê văn phòng chưa thực hiện	-	5.853.507.071
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	-	2.155.149.757
Tiền đặt cọc để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Nhận vốn góp đầu tư dự án Nam Hồng	-	50.000.000.000
Các khoản phải trả khác	11.268.138.052	273.086.077.271
Tổng cộng	**13.068.138.052**	**332.894.734.099**

Trong đó: Phải trả các bên liên quan	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	-	48.000.000
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	-	190.694.048.810
Công ty cổ phần thủy điện La Ngâu	-	45.914.857.794
Công ty TNHH CTX số 2	14.665.495	14.665.495
Công ty cổ phần Oceanview Nha Trang	-	26.324.557.537
Cộng	**14.665.495**	**262.996.129.636**

5.16 Phải trả dài hạn khác:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng khu đô thị Yên Hòa	920.789.887	955.159.887
Phải trả các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	314.665.204.141	-
Cộng	**315.585.994.028**	**955.159.887**

Trong đó: Phải trả các bên liên quan	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH CTX số 2	1.731.740.000	-
Công ty CP OCEAN VIEW Nha Trang	26.324.557.537	-
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	190.694.048.810	-
Công ty cổ phần thủy điện La Ngâu	45.914.857.794	-
Cộng	**264.665.204.141**	**-**

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn bao gồm các khoản tiền thuê ứng trước của khách hàng để thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Các cổ đông	1.004.067.400.000	789.072.760.000
Thặng dư vốn cổ phần		
Tổng	**1.004.067.400.000**	**789.072.760.000**

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	1.004.067.400.000	789.072.760.000
Vốn góp tại ngày cuối năm	1.004.067.400.000	789.072.760.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100.406.740	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.406.740	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.406.740	78.907.276
Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	100.406.740	78.907.276

d. Các quĩ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Quĩ đầu tư phát triển	-	-
Quĩ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-
Tổng		

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2025	**789.072.760.000**	-	-	-	**259.102.444.285**	**1.048.175.204.285**
Tăng trong năm	-	-	-	-	**199.835.608.981**	**199.835.608.981**
Lợi nhuận sau thuế		-		-	199.835.608.981	199.835.608.981
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-		-	-	-	-
Số dư 31/12/2025	**789.072.760.000**	-	-	-	**458.938.053.266**	**1.248.010.813.266**
Số dư 01/01/2026	**789.072.760.000**	-	-	-	**458.938.053.266**	**1.248.010.813.266**
Tăng trong kỳ	**214.994.640.000**	-	-	-	**5.350.736.924**	**220.345.376.924**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.350.736.924	5.350.736.924
Tăng do phát hành CP	214.994.640.000		-	-		214.994.640.000
Trích lập quĩ						-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	**214.994.640.000**	**214.994.640.000**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-
Giảm do phát hành CP	-	-	-	-	214.994.640.000	214.994.640.000
Số dư 30/06/2026	**1.004.067.400.000**	-	-	-	**249.294.150.190**	**1.253.361.550.190**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Doanh thu xây dựng	349.072.069.785	4.000.466.206
Doanh thu cho thuê nhà, kd khác	2.456.369.989	1.600.000.000
Doanh thu hàng hóa, DV khác	-	895.937.270
Tổng	**351.528.439.774**	**6.496.403.476**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Giá vốn hàng hóa, DV khác	349.072.069.785	3.616.383.755
Giá vốn cho thuê nhà, kinh doanh khác	424.514.829	1.146.003.256
Tổng	**349.496.584.614**	**4.762.387.011**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Lãi tiền gửi, cho vay, LN được chia	6.194.836.597	15.601.623
Tổng	**6.194.836.597**	**15.601.623**

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	(12.164.766)	(1.937.259.381)
Lãi tiền vay	-	-
Tổng	**(12.164.766)**	**(1.937.259.381)**

6.5 Thu nhập khác

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Thu nhập khác	673.883.054	236.000.000
Tổng	**673.883.054**	**236.000.000**

6.6 Chi phí khác

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Chi phí khác	788.006.146	304.063.235
Tổng	**788.006.146**	**304.063.235**

6.7 Chi phí bán hàng và QLDN

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Chi phí tiền lương	1.264.330.000	1.264.330.000
Chi phí khấu hao TSCĐ, thương hiệu	37.824.510	37.824.510
Chi phí chung khác	4.467.177.798	2.609.716.666
Tổng	**5.769.332.308**	**3.911.871.176**

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.355.401.123	(293.056.942)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	169.841.080	68.063.235
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế		-
Thu nhập tính thuế TNDN	**2.525.242.203**	**(224.993.707)**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	**505.048.440**	**(44.998.741)**

6.9 Thu nhập của các Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

	Quý 2/2026 VND	Quý 2/2025 VND
Lương của hội đồng quản trị	51.000.000	51.000.000
Lương của Ban tổng giám đốc, BKS	857.322.590	723.609.680
Cộng	**908.322.590**	**774.609.680**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Tổng Công ty nhận định. trên khía cạnh trọng yếu. không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

7.2 Số liệu so sánh

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã kiểm toán, cùng số liệu Báo cáo tài chính quý 2/2025.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương Lan
Phó tổng giám đốc

Hà Nội. ngày 28 tháng 07 năm 2026